

Bản án số: 04/2021/HNGĐ - ST.

Ngày: 05 – 3 - 2021.

V/v “tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG P, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Th Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Quyết Chiến.

2. Ông Nguyễn Kim Phước.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Buôi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 245/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Th Th, sinh năm 1995; HKTT: Số 368, ấp Lợi Đ, xã Long Đ, huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở hiện nay: Số D20/3E, ấp 4, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Ch, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt vì có đơn xin giải quyết vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn Th, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 368, ấp Lợi Đ, xã Long Đ, huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 14/8/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Th Th trình bày:

Vào năm 2012, bà và ông Th có kết hôn với nhau, kết hôn trên cơ sở do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Đ vào ngày 06/9/2014. Chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng thường xuyên cãi vã, đời sống vợ chồng không hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Tuấn Th.

Trong thời gian chung sống bà và ông Th có một người con tên Nguyễn Tuấn Pc, sinh ngày 21/02/2013. Hiện nay cháu Pc đang sống với ông Th. Bà đồng ý giao cháu Pc cho ông Th được trực tiếp nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con.

Trong quá trình chung sống bà và ông Th không có tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại phiên toà, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long P tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Th Th.

+ Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Tuấn Pc, sinh ngày 21/02/2013 cho ông Th được trực tiếp nuôi dưỡng và bà Th không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Th Th xác định trong thời gian chung sống bà Trần Th Th và ông Nguyễn Tuấn Th không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Tuấn Th mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có văn bản trả lời và vắng mặt không có lý do, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Tuấn Th.

Bên cạnh đó, bà Trần Th Th vắng mặt vì có đơn xin giải quyết vắng mặt. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Trần Th Th.

[2] Về hôn nhân: Bà Trần Th Th và ông Nguyễn Tuấn Th có đăng ký kết hôn vào ngày 06/9/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Long Đ. Hôn nhân của ông bà tuân thủ các quy định từ Điều 9 đến Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên

pháp luật công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Th Th và ông Nguyễn Tuấn Th là hợp pháp.

Bà Trần Th Th vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án xin được ly hôn với ông Nguyễn Tuấn Th. Xét yêu cầu của bà Trần Th Th Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng về những sinh hoạt trong cuộc sống, ông Nguyễn Tuấn Th không lo chăm sóc cho gia đình. Từ khi nguyên đơn chính thức yêu cầu xin ly hôn cho đến nay, Tòa án đã gửi thông báo về việc thụ lý cho ông Nguyễn Tuấn Th nhưng không có văn bản Pc đáp và giữa bà Trần Th Th, ông Nguyễn Tuấn Th từ khi sống ly thân vào năm 2019 cho đến nay nhưng hai bên không tìm biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và phù hợp với biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân giữa bà Trần Th Th, ông Nguyễn Tuấn Th của Tòa án nhân dân huyện Long P. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Trần Th Th và ông Nguyễn Tuấn Th đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trần Th Th được ly hôn với ông Nguyễn Tuấn Th .

[3] Về con chung: Bà Th đồng ý giao cháu Nguyễn Tuấn Pc, sinh ngày 21/02/2013 cho ông Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay cháu Pc đang sống với ông Th, cháu Pc cũng có nguyện vọng được sống với ông Th và để ổn định cuộc sống, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Th đồng ý giao cho ông Th là người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tuấn Pc, sinh ngày 21/02/2013 là có căn cứ.

Bà Th có quyền thăm nom cháu Nguyễn Tuấn Pc, sinh ngày 21/02/2013 không ai được cản trở theo khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông Th cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Tuấn Pc, sinh ngày 21/02/2013 theo khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Th yêu cầu không cấp dưỡng nuôi con, ông Th không yêu cầu bà Th phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Th cho rằng trong thời gian chung sống bà Th, ông Th không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết là có căn cứ.

[6]. Về án phí: Bà Trần Th Th phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Ông Nguyễn Tuấn Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7]. Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long P về đề nghị giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82; khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Trần Th Th và ông Nguyễn Tuấn Th được ly hôn.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Tuấn Th được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tuấn Pc, sinh ngày 21/02/2013. Bà Trần Th Th có quyền thăm nom cháu Nguyễn Tuấn Pc, sinh ngày 21/02/2013 không ai được cản trở.

Ông Nguyễn Tuấn Th cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà Trần Th Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Tuấn Pc.

3. Bà Trần Th Th không phải cấp dưỡng nuôi con do ông Nguyễn Tuấn Th không yêu cầu.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không có và các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Th Th phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2017/0007197 ngày 05/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long P. Như vậy, bà Trần Th Th đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Tuấn Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự Pc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Long P;
- Các đương sự;
- UBND xã Long Đ;
- Chi cục T.H.A DS huyện Long P;
- Lưu (HS, VP).

DƯƠNG THỊ TH HOA